

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA**



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia (“Công Ty”) là cơ sở pháp lý cho toàn bộ hoạt động của Công Ty, một Công Ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ, các Nghị quyết, Quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các Nghị quyết, Quyết định của Hội Đồng Quản Trị và các quyết định khác do Công Ty ban hành sẽ là những quy tắc ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Điều Lệ này được thông qua bởi Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông số ..05../2021/NQ-AGI ngày 31 tháng 03 năm 2021 (sau đây được gọi là “**Điều Lệ**”) và thay thế cho các bản Điều Lệ của Công Ty trước đó.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1 “**Công Ty**” được quy định là trong Điều Lệ này là CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA; tên Công Ty bằng Tiếng Anh là AN GIA REAL ESTATE INVESTMENT AND DEVELOPMENT CORPORATION; và được viết tắt là AN GIA.
- 1.2 “**Công Ty Con**” là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Công Ty sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành của doanh nghiệp đó; (2) Công Ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp đó, thông qua (i) quyền trực tiếp, gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp đó; hoặc (ii) quyền quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ của doanh nghiệp đó; hoặc (iii) các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 1.3 “**Cổ Đông**” có nghĩa là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty.
- 1.4 “**Cổ Đông Lớn**” là Cổ Đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty.
- 1.5 “**Đại Diện Theo Ủy Quyền**” là bất kỳ người nào được Cổ Đông ủy quyền để thực hiện các quyền của Cổ Đông với tư cách là Cổ Đông của Công Ty và nhân danh Cổ Đông đó theo quy định của Pháp Luật.
- 1.6 “**Đại Hội Đồng Cổ Đông**” là đại hội đồng Cổ Đông của Công Ty được nêu tại Điều 14 và 15 của Điều Lệ.

- 1.7 “**Địa Bàn Kinh Doanh**” có nghĩa là phạm vi địa lý thực hiện các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công Ty, bao gồm trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam.
- 1.8 “**Hội Đồng Quản Trị**” là hội đồng quản trị của Công Ty được nêu tại Điều 25, 26 và 27 của Điều Lệ.
- 1.9 “**Luật Doanh Nghiệp**” là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
- 1.10 “**Luật Chứng Khoán**” là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và được sửa đổi, bổ sung theo từng thời điểm.
- 1.11 “**Ngày Thành Lập**” là ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) lần đầu.
- 1.12 “**Người Quản Lý**” là Chủ tịch và thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng.
- 1.13 “**Người Điều Hành Doanh Nghiệp**” là Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng và các chức danh quản lý khác được Tổng Giám Đốc bổ nhiệm theo từng thời điểm
- 1.14 “**Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty**” có nghĩa như được quy định tại Điều 34 Điều Lệ này.
- 1.15 “**Người Có Liên Quan**” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào thuộc một trong các trường hợp được quy định trong Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng Khoán.
- 1.16 “**Pháp Luật**” có nghĩa là (1) tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Điều 4 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 06 năm 2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 và được sửa đổi bổ sung theo từng thời điểm; (2) các quy định và quy chế của bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết; (3) quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định hoặc bất kỳ văn bản giải thích nào bởi bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan có giá trị pháp lý ràng buộc, được ban hành và công bố để áp dụng đối với Công Ty.
- 1.17 “**Quy Chế Quản Trị Công Ty**” là quy chế nội bộ về quản trị Công Ty được Hội Đồng Quản Trị xây dựng, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua để quy định về quản trị, điều hành Công Ty phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

- 1.18 “Sở Giao Dịch Chứng Khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
- 1.19 “Sổ Đăng Ký Cổ Đông” là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ, Luật Chứng Khoán, Luật Doanh Nghiệp và bao gồm cả sổ đăng ký Cổ Đông tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nếu có).
- 1.20 “Ủy Ban Kiểm Toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản Trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh Nghiệp và tại Điều lệ này.
- 1.21 “Thời Hạn Hoạt Động” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 3 Điều Lệ này và có thể được thay đổi bằng một nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 1.22 “Vốn Điều Lệ” có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;
- 1.23 “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Nguyên tắc giải thích

- 2.1 Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 2.2 Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.
- 2.3 Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh Nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều Lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công Ty

3.1 Tên Công Ty:

- ✓ Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN AN GIA**
- ✓ Công Ty viết bằng tiếng Anh: **AN GIA REAL ESTATE INVESTMENT AND DEVELOPMENT CORPORATION**

- 3.2 Hình thức Công Ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp Luật hiện hành của Việt Nam.
- 3.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty là:
- ✓ Địa chỉ trụ sở chính: 30 Nguyễn Thị Diệu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 - ✓ Điện thoại: 028. 3930 3366
 - ✓ Fax: 028. 3930 9595
 - ✓ E-mail: info@angia.com.vn
 - ✓ Website: www.angia.com.vn
- 3.4 Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa Bàn Kinh Doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi Pháp Luật cho phép.
- 3.5 Thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn, ngoại trừ Pháp Luật có quy định khác hoặc Công Ty thay đổi thời hạn hoạt động bằng một nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 4. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là người đại diện theo pháp luật của Công Ty. Người đại diện theo pháp luật có quyền đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Ngành nghề kinh doanh, triết lý và mục tiêu hoạt động

5.1 Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty như sau:

Lĩnh vực hoạt động chính của Công Ty là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810). Ngoài ngành nghề kinh doanh chính, Công Ty có thể đăng ký thêm các ngành nghề khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Tại thời điểm Điều Lệ này được thông qua, ngành nghề kinh doanh của Công ty được quy định trong Phụ lục số 02.

- 5.2 Triết lý và mục tiêu hoạt động của Công Ty là sử dụng hiệu quả, có trách nhiệm các nguồn lực phục vụ hoạt động kinh doanh, đem lại những sản phẩm bất động sản chất lượng cao và trải nghiệm sống tốt hơn cho khách hàng; kiến tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, nâng cao phúc lợi của người lao động; tăng trưởng lợi ích Cổ Đông, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm với Nhà nước và cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- 6.1 Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- 6.2 Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được Pháp Luật cho phép và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 7. Vốn Điều Lệ, cổ phần, Cổ Đông sáng lập

- 7.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty được quy định tại Phụ lục 03 đính kèm Điều lệ.
- 7.2 Công Ty có thể thay đổi Vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 7.3 Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ Đông phổ thông.
- 7.4 Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- (i) Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là Cổ Đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (ii) Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Cổ Đông ưu đãi muốn chuyển đổi (một phần hoặc các) cổ phần ưu đãi thành cổ phần phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản đến Công Ty. Công Ty sẽ trình Đại Hội Đồng Cổ Đông để phê duyệt về việc chuyển đổi này.
 - (iii) Trong vòng 03 (ba) ngày làm việc sau khi Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt việc chuyển đổi, Cổ Đông ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công Ty chứng nhận cổ phiếu liên quan đến cổ phần ưu đãi. Sau khi nhận được chứng nhận cổ phiếu từ Cổ Đông ưu đãi, Công Ty sẽ phát hành chứng nhận cổ phiếu mới cho số cổ phần

phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi và ghi nhận vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được chứng nhận cổ phiếu đối với cổ phần phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số cổ phần phổ thông được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

- (iv) Cổ phần phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ cổ phần ưu đãi sẽ được xếp ngang bằng với các cổ phần phổ thông đã được phát hành và mua trước đó.
- 7.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều Lệ này.
- 7.6 Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về Cổ Đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh Nghiệp được nêu tại Phụ Lục số 01 đính kèm. Phụ Lục số 01 là một phần của Điều Lệ này.
- 7.7 Cổ phần phổ thông mới dự kiến được phát hành phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Công Ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn hợp lý theo quy định của Pháp Luật. Số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị của Công Ty quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc các trường hợp khác theo Nghị Quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 7.8 Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành.
- 7.9 Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng cổ phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác khi phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 8. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

- 8.1 Cổ phiếu của cổ phần phổ thông là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu một phần vốn cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.

Riêng đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công Ty còn có các nội dung khác theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.

- 8.2 Cổ Đông của Công Ty được cấp chứng nhận cổ phiếu (hoặc chứng chỉ cổ phiếu, hoặc sổ chứng nhận sở hữu cổ phần, hoặc tên gọi khác có ý nghĩa tương tự) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công Ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo các quy định tại Luật Doanh Nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà Cổ Đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

- 8.3 Bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông sở hữu ít nhất một (01) cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một (01) chứng nhận cổ phiếu trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần (trong trường hợp chuyển nhượng) hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời gian khác theo như nội dung phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (trong trường hợp phát hành).

- 8.4 Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan đến bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải thông báo cho Công Ty và/hoặc Công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/Công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

Công Ty không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc hoặc gửi thư. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua.

- 8.5 Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong các cổ phần được quy định trong 01 (một) chứng nhận cổ phiếu thì Công Ty sẽ cập nhật số lượng cổ phần chuyển nhượng, số lượng cổ phần còn lại vào chứng nhận cổ phiếu đã cấp cho Cổ Đông (trường hợp chứng nhận cổ phiếu đã hết trang cập nhật thì Công Ty thu hồi chứng nhận cổ phiếu đã cấp và cấp miễn phí 01 (một) chứng nhận cổ phiếu mới). Thời hạn cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới sẽ được thực hiện theo Khoản 3 Điều này.

- 8.6 Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần (bao gồm việc tuân thủ các điều kiện về đăng thông báo chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại, bị tiêu hủy) và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

- 8.7 Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công Ty.
- 8.8 Trong khuôn khổ các quy định của Pháp Luật và thị trường chứng khoán, Công Ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng nhận và cho phép các cổ phần (bất kể là cổ phần có phát hành dưới dạng này hay không), được chuyển nhượng mà không nhất thiết phải có văn bản chuyển nhượng; hoặc tùy từng thời điểm Hội Đồng Quản Trị có thể ban hành các quy định khác thay thế cho các quy định tương ứng trong Điều Lệ này về chứng nhận và chuyển nhượng cổ phần.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

- 9.1 Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và Pháp Luật có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều Lệ này có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- 9.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán.
- 9.3 Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Công Ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu, Cổ Đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho Cổ Đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là Cổ Đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trường hợp này, Cổ Đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.
- (Do đã quá 03 (ba) năm kể từ Ngày Thành Lập, tất cả các hạn chế đối với cổ phần phổ thông do các Cổ Đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ).
- 9.4 Người lao động của Công Ty sở hữu cổ phần do phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) được quyền để thừa kế và được hưởng các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này nhưng phải tuân thủ các hạn chế chuyển nhượng của từng đợt phát hành. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước hạn thì phải được Hội Đồng Quản Trị chấp thuận và Công Ty được quyền ưu tiên mua lại theo quy chế phát hành cụ thể của từng lần.

- 9.5 Trường hợp Cổ Đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ Đông đó là Cổ Đông của Công Ty. Trong trường hợp Cổ Đông bị chết và có yêu cầu của người liên quan, những người thừa kế của Cổ Đông bị chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu cổ phần. Trường hợp cổ phần của Cổ Đông bị chết mà không có người thừa kế hoặc không xác định được người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của Pháp Luật về Dân sự. Khi đó, việc thực hiện quyền liên quan đến số cổ phần của Cổ Đông bị chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số cổ phần của Cổ Đông bị chết hoặc những người thừa kế đạt được sự thỏa thuận.
- 9.6 Cổ Đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công Ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ Đông của Công Ty.
- 9.7 Hội Đồng Quản Trị có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức, hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn của chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
- 9.8 Thủ tục đăng ký chuyển nhượng sẽ được Hội Đồng Quản Trị quy định cụ thể tại văn bản riêng hoặc trong phương án phát hành.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

- 10.1 Trường hợp Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội Đồng Quản Trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ Đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty.
- 10.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 10.3 Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong bất kỳ thông báo nêu trên không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ. Việc thu hồi sẽ bao gồm tất cả các cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.
- 10.4 Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh Nghiệp. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán,

tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp nhưng không được thấp hơn những điều kiện chào bán trước đó.

- 10.5 Cổ Đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ Đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán cho Công Ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần đó mà vào thời điểm thu hồi phải thanh toán cho Công Ty cộng thêm một mức lãi suất (không quá mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm đó) theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán và Hội Đồng Quản Trị có quyền thực hiện các biện pháp khấu trừ hoặc đề nghị Cơ quan chức năng có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo quy định hoặc có thể miễn, giảm việc thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.
- 10.6 Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị

Công Ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình quản trị như sau:

- 11.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông: bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;
- 11.2 Hội Đồng Quản Trị: là cơ quan quản lý của Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông và/hoặc quyết định các công việc khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông giao;
- 11.3 Ủy Ban Kiểm Toán trực thuộc Hội đồng quản trị: là cơ quan kiểm soát của Công Ty
- 11.4 Tổng Giám Đốc: là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của Cổ Đông

- 12.1 Cổ Đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ Đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 12.2 Cổ Đông phổ thông có các quyền sau:
- a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do Điều Lệ và pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật hiện hành;
 - d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; tra cứu và sao chụp Điều Lệ này, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - f. Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các Cổ Đông nắm giữ các loại cổ phần ưu đãi của Công Ty theo quy định của pháp luật;
 - g. Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - h. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
 - i. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

- j. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- k. Các quyền khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

12.3 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nắm giữ từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
- c. Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Kiểm Toán kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra. Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Ban kiểm toán nội bộ trực tiếp thực hiện và báo cáo.
- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

12.4 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị. Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị được thực hiện như sau:

- a. Các Cổ Đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ Đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- b. Căn cứ số lượng thành viên hội đồng quản trị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ

được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị và các Cổ Đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ Đông

13.1 Cổ Đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

- a. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo đúng thủ tục quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi vốn góp Công Ty;
- b. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị;
- e. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều Lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
- f. Tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng hình thức khác theo quy định trong Điều Lệ và quy chế làm việc tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
- g. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.

h. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.2 Cổ Đông Lớn có các nghĩa vụ sau:

- a. Cổ Đông và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công Ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo quy định của Pháp Luật trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công Ty;
- b. Cổ Đông Lớn và người có liên quan phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Công Ty trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...);
- c. Cổ Đông Lớn và người có liên quan cần thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Công Ty khi có các thay đổi trong thông tin quan trọng như tên gọi, địa chỉ, giấy đăng ký kinh doanh...;
- d. Các nghĩa vụ công bố thông tin, báo cáo khác theo quy định của Pháp Luật;

Điều 14. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 14.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 14.2 Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công

Ty có thể mời đại diện Công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

14.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- b. Hội Đồng Quản Trị xét thấy là cần thiết theo yêu cầu của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc theo đề nghị của kiểm toán độc lập đối với các vấn đề về báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- d. Khi số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này;
- e. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ Đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ Đông có liên quan; và
- f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này.

14.4 Triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường

- a. Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị còn lại như quy định tại điểm d khoản 14.3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm e khoản 14.3 Điều này. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công Ty
- b. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại điểm a khoản 14.4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu quy định tại điểm e khoản 14.3 Điều này có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Trong trường hợp này, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- c. Người triệu tập Đại Hội Đồng Cổ Đông phải tổ chức họp theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ Đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền hạn và nghĩa vụ của Đại Hội Đồng Cổ Đông

15.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công Ty.
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần.
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty.
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông.
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty.
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội Đồng Quản Trị.
- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị.
- l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

15.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm;
- c. Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- d. Mức cổ tức đối với cổ phần của từng loại;
- e. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

15.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và bất thường thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán; phân phối lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ; mức cổ tức năm tài chính; báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ủy Ban Kiểm Toán.
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh Nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến Cổ Đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- c. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- d. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- f. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- g. Thông qua, bổ sung và sửa đổi Điều Lệ Công Ty, thông qua quy chế về quản trị nội bộ của Công Ty, thông qua quy chế hoạt động Hội Đồng Quản Trị;
- h. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công Ty;
- i. Quyết định thay đổi Vốn Điều Lệ của Công Ty, bao gồm cả việc giảm Vốn Điều Lệ;
- j. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- k. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công Ty;
- l. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công Ty và chỉ định người thanh lý;

- m. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Công Ty và Cổ Đông;
- n. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty;
- o. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của mỗi loại;
- p. Thông qua hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty;
- q. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- r. Phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và trái phiếu kèm chứng quyền cho phép người sở hữu trái phiếu được quyền mua cổ phiếu theo mức định giá và thời gian xác định trước;
- s. Quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật;
- t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này và các quy chế khác của Công Ty.

15.4 Cổ Đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a. Các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điểm q Khoản 15.3 Điều này nếu Cổ Đông hoặc người có liên quan tới Cổ Đông đó là một bên của hợp đồng, giao dịch; hoặc
- b. Việc mua lại cổ phần của Cổ Đông đó hoặc của người có liên quan tới Cổ Đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ Đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

15.5 Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 16. Đại Diện Theo Ủy Quyền

16.1 Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số cá nhân làm người đại diện theo ủy quyền (“Đại Diện Theo Ủy Quyền”) để thực hiện các quyền của mình

với tư cách là Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật. Trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền.

16.2 Các Cổ Đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Pháp Luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự (“**Người được ủy quyền dự họp**”). Việc ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu chung của Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền theo quy định sau đây:

- a. Trường hợp Cổ Đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của chính Cổ Đông đó và Người được ủy quyền dự họp, trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Người được ủy quyền dự họp đó;
- b. Trường hợp Cổ Đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông đó và Người được ủy quyền dự họp, trường hợp Người được ủy quyền dự họp là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ Đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ Đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

16.3 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).

16.4 Trừ trường hợp quy định tại khoản 16.3 Điều này, phiếu biểu quyết của Đại Diện Theo Ủy Quyền trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Tuy nhiên, Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên chậm nhất là bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

- 17.1 Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi (nếu có) có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ Đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ Đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ Đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 Cổ Đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ Đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- 17.2 Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều Lệ này.
- 17.3 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 18.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 14.2 Điều 14 Điều Lệ này.
- 18.2 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Chuẩn bị danh

sách Cổ Đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d. Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp;
- g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

18.3 Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các Cổ Đông đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Thông báo phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ Đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ Đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

18.4 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông theo quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên Cổ Đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối

với Cổ Đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần Cổ Đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- 18.5 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 18.4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 19.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 19.2 Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 19.3 Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 20.1 Vào ngày tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- 20.2 Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Công ty có thể sử dụng các chương trình, phần mềm máy tính, dịch vụ công nghệ thông tin ứng dụng trong việc biểu quyết, thu thẻ biểu quyết của cổ đông để tạo thuận lợi cho cổ đông.

- 20.3 Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 20.4 Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
- a. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nguyên tắc đa số. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
 - b. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - c. Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 20.5 Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 20.6 Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
- 20.7 Không cần lấy ý kiến Cổ Đông, bất cứ lúc nào, Chủ tọa đại hội có thể hoãn và dời Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy rằng có một trong các trường hợp sau đây: (i) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; (ii) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các Cổ Đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; (iii) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc. Đại Hội Đồng Cổ Đông tổ chức lại sẽ không xem xét lại các vấn đề đã được biểu quyết hợp pháp tại đại hội bị hoãn trước đó.

Trường hợp Chủ tọa tạm dừng hoặc hoãn Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại khoản này, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng. Cách thức bầu chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo trình tự được quy định tại Khoản 20.4 Điều này.

- 20.8 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền yêu cầu các Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc Người được ủy quyền nêu trên ra khỏi đại hội.
- 20.9 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- 20.10 Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

- 20.11 Hàng năm, Công Ty tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất một (01) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 21.1 Trừ trường hợp tại khoản 21.2, khoản 21.3 Điều này, các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua khi có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu

biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành.

- 21.2 Việc bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu theo hướng dẫn của Luật Doanh Nghiệp và Quy Chế Quản Trị Công Ty, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại quy chế bầu cử.
- 21.3 Các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông liên quan đến các vấn đề dưới đây chỉ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ Đông hoặc Người được uỷ quyền dự họp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông tán thành hoặc có từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết tán thành đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:
- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b. Thay đổi tên Công Ty;
 - c. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh chính của Công Ty;
 - d. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - e. Tổ chức lại hay giải thể Công Ty;
 - f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản Công Ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công Ty tính theo Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty.
- 21.4 Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 22.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của

Công Ty, trừ việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông.

22.2 Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ Đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 18.3 Điều 18 Điều Lệ này.

22.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ Đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ Đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị;

22.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức.

22.5 Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- 22.6 Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy Ban Kiểm Toán hoặc của Cổ Đông không phải là Người Điều Hành Doanh Nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
 - c. Số Cổ Đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ Đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 22.7 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các Cổ Đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 22.8 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 22.9 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản phải được số Cổ Đông đại diện ít nhất năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 23.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;

- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số Cổ Đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ Đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, Người được uỷ quyền dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- 23.2 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- 23.3 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các Cổ Đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
- 23.4 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- 23.5 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách Cổ Đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 24.1 Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại khoản 12.3 Điều 12 Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:
- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 21.4 Điều 21 Điều Lệ này.
 - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.
- 24.2 Trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 25.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội Đồng Quản Trị được đưa vào tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để Cổ Đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị và các chức danh quản lý khác;

- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công Ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
- 25.2 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên được đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 12.4 Điều Lệ này.
- 25.3 Trường hợp số lượng ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công Ty. Thủ tục Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 26.1 Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội Đồng Quản Trị của Công Ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội Đồng Quản Trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo quy định sau:

- a. Có tối thiểu một (01) thành viên độc lập trong trường hợp Công Ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- b. Có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- c. Có tối thiểu ba (03) thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội Đồng Quản Trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty và/hoặc cư trú tại Việt Nam. Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty không được đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị của trên năm (05) Công Ty khác.

- 26.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp bị Đại Hội Đồng Cổ Đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo một trong các trường hợp sau:
- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Có đơn từ chức (gửi đơn bằng văn bản xin từ chức) đến trụ sở chính của Công Ty và được chấp nhận;
 - c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc có hành vi vi phạm pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị và Hội Đồng Quản Trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bỏ trống;
 - e. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị;
 - f. Các trường hợp khác ngoài các quy định ở trên mà Đại Hội Đồng Cổ Đông xét thấy cần thiết
- 26.3 Việc bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị

- 27.1 Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 27.2 Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ Công Ty và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm của Công Ty và ngân sách hàng năm của Công Ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng và quyết định mức lương của họ. Quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở tổ chức/doanh nghiệp khác, quyết định các mức tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- d. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, kiểm soát việc quản lý điều hành Công Ty theo cơ chế được đề cập tại Điều Lệ này và Quy Chế Quản Trị Công Ty;
- e. Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Điều Hành Doanh Nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công Ty, việc thành lập Công Ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty;
- h. Xây dựng Quy Chế Quản Trị Công Ty và trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
- i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời, tổ chức việc chi trả cổ tức;
- k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
- l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền để Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua. Quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác (ngoại trừ phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền) nhưng phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp gần nhất.
- m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu trong trường hợp được Đại Hội Đồng Cổ Đông ủy quyền;
- n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Công Ty lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- o. Báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông việc Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng;

p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).

27.3 Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:

- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty;
- b. Thành lập, sáp nhập, chia tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình và giải thể các Công Ty Con, công ty liên kết của Công Ty;
- c. Thông qua giao dịch mua, bán, vay, cho vay và giao dịch khác (không thuộc giao dịch với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp) có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 38.5 Điều 38 Điều Lệ này.
- d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty;
- e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- f. Việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- g. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- h. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty;
- i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội Đồng Quản Trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

27.4 Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị

28.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thỏa thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

- 28.2 Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, công ty con, công ty liên kết của Công Ty và các công ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công Ty. Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.
- 28.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 28.4 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.
- 28.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

- 29.1 Hội Đồng Quản Trị lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu ra một (01) Chủ tịch. Việc bầu Chủ tịch được thực hiện theo Quy Chế Quản Trị Công Ty. Không trễ hơn ngày 01/08/2020, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc của Công Ty.
- 29.2 Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị:
- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - b. Chịu trách nhiệm chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Đảm bảo việc gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các Cổ Đông tại Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - d. Ký các Nghị Quyết/Quyết định của Hội Đồng Quản Trị thay mặt các thành viên Hội Đồng Quản Trị;

- e. Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
 - f. Kiến nghị lên Hội Đồng Quản Trị về việc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám Đốc. Thay mặt Hội Đồng Quản Trị ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám Đốc;
 - g. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể tạm đình chỉ những quyết định của Tổng Giám Đốc để hạn chế tổn thất và sau đó phải báo cáo bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để có quyết định chính thức về việc đình chỉ hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ đó trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ đó;
 - h. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- 29.3 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập và Chủ tọa Đại Hội Đồng Cổ Đông và các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội Đồng Quản Trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì thành viên Hội Đồng Quản Trị được Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị ủy quyền bằng văn bản sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị. Trong trường hợp không có người được ủy quyền, Hội Đồng Quản Trị có thể bầu một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội Đồng Quản Trị.
- 29.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được đơn từ chức hoặc từ ngày Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm.
- 29.5 Khi xét thấy cần thiết, Hội Đồng Quản Trị quyết định bổ nhiệm Thư ký Công Ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c. Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - d. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ Đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị

- 30.1 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 30.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- 30.3 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất năm (05) Người Điều Hành khác;
 - b. Thành viên độc lập Hội Đồng Quản Trị;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - d. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.

Đề nghị quy định tại khoản 30.3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.

- 30.4 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 30.3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 30.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 30.5 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.
- 30.6 Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc

hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.

- 30.7 Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

- 30.8 Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội Đồng Quản Trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.

- 30.9 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

- 30.10 Biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty.

Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng, giao dịch được quy định tại khoản 38.5 Điều 38 Điều Lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng, giao dịch đó;

- c. Theo quy định tại điểm b khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Chỉ có thành viên Hội đồng Quản trị mới có quyền biểu quyết. Người được mời dự họp khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận, góp ý nhưng không được biểu quyết.

30.11 Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

30.12 Hội Đồng Quản Trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị là phiếu quyết định.

30.13 Biên bản cuộc họp Hội Đồng Quản Trị phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội Đồng Quản Trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị tham dự họp

ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội Đồng Quản Trị

- 31.1 Hội Đồng Quản Trị thành lập Ủy Ban Kiểm Toán và có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm các Tiểu ban: Tiểu ban nhân sự và lương thưởng, Tiểu ban chiến lược... Trong đó, Ủy Ban Kiểm Toán sẽ do Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập làm trưởng ban.
- 31.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt việc thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị. Quy chế hoạt động và cơ cấu thành viên do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
- 31.3 Trừ trường hợp Điều Lệ này có quy định khác, thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội Đồng Quản Trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội Đồng Quản Trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội Đồng Quản Trị vào các tiểu ban nêu trên và người đó không được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban.
- 31.4 Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và Điều Lệ Công Ty.

Điều 32. Quy định liên quan về cơ cấu tổ chức và chức năng của Ủy Ban Kiểm Toán

Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ quyền hạn và hoạt động của Ủy ban Kiểm toán được quy định cụ thể trong Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

Điều 33. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- 33.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh Nghiệp và Khoản 5 Điều 29 của Điều lệ này. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 33.2 Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;

- b. Không được đồng thời làm việc cho Công Ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- 33.3 Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty tùy từng thời điểm.
- 33.4 Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và Cổ Đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ủy Ban Kiểm Toán và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ủy Ban Kiểm Toán;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Ủy Ban Kiểm Toán;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

CHƯƠNG VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Công Ty có một (01) Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Tổng Giám Đốc phải được thông qua bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

Điều 35. Người điều hành doanh nghiệp

- 35.1 Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc, Công Ty sẽ tuyển dụng Người Điều Hành Doanh Nghiệp với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty. Người Điều Hành Doanh Nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- 35.2 Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do Tổng Giám Đốc quyết định.
- 35.3 Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 36. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám Đốc

- 36.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người không là thành viên Hội Đồng Quản Trị làm Tổng Giám Đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
- 36.2 Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không phải là người bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của Pháp Luật.
- 36.3 Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị; tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty;

- e. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng, tiêu chuẩn của Người Điều Hành Doanh Nghiệp mà Công Ty cần tuyển dụng. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và quyết định thù lao, tiền lương và lợi ích khác liên quan đến hợp đồng lao động giữa Công ty và Người Điều Hành Doanh Nghiệp.
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Trong thời gian sớm nhất có thể, trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này, các Quy Chế Quản Trị Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.
- 36.4 Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
- 36.5 Hội Đồng Quản Trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 37. Trách nhiệm cần trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công Ty.

Điều 38. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

- 38.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật khác.
- 38.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được phép sử dụng hay tiết lộ những thông tin, cơ hội kinh doanh có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 38.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội Đồng Quản Trị về các giao dịch giữa Công Ty, công ty con, công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin .
- 38.4 Trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác, Công Ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công Ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, công ty liên kết, tập đoàn kinh tế và phát luật chuyên ngành có quy định khác.
- 38.5 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh Nghiệp sẽ bị vô hiệu trừ khi được thông báo và thông qua tương ứng như sau:
- a. Được Hội Đồng Quản Trị thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội Đồng Quản Trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều Lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
 - b. Được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua với hợp đồng, giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo Hội Đồng Quản Trị về các

đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản. Trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

Điều 39. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

- 39.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và Người Quản Lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- 39.2 Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trọng các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Quản Lý khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
- 39.3 Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên các Tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, Người Quản Lý khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
- a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty;
 - b. Tuân thủ Pháp Luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- 39.4 Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp Luật cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 40.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Khoản 12.3 Điều 12 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách Cổ Đông, các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- 40.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ủy Ban Kiểm Toán, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 40.3 Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ủy Ban Kiểm Toán, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- 40.4 Điều Lệ Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

CHƯƠNG XI

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 41. Công nhân viên và công đoàn

- 41.1 Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người Điều Hành Doanh Nghiệp.
- 41.2 Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XII

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 42. Phân phối lợi nhuận

- 42.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- 42.2 Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 42.3 Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 42.4 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ Đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho Cổ Đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua Công Ty chứng khoán hoặc Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam.
- 42.5 Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 42.6 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của Pháp Luật.

CHƯƠNG XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

- 43.1 Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

- 43.2 Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.
- 43.3 Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12). Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 45. Chế độ kế toán

- 45.1 Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- 45.2 Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định Pháp Luật về kế toán và Pháp Luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- 45.3 Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước Pháp Luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

- 46.1 Công Ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều Lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công Ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công Ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt

động của Công Ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công Ty là Công Ty mẹ thì báo cáo tài chính hàng năm phải bao gồm cả báo cáo tài chính riêng của Công Ty lẫn báo cáo tài chính hợp nhất về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

- 46.3 Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- 46.4 Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 46.5 Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công Ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

- 48.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho một (hoặc các) năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- 48.2 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 48.3 Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- 48.4 Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các Cổ Đông được quyền nhận và

được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XVI

CON DẤU

Điều 49. Con dấu

- 49.1 Hội Đồng Quản Trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.
- 49.2 Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XVII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

50.1 Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn theo quy định của Pháp Luật (nếu có);
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Tòa án có thẩm quyền tuyên bố Công Ty phá sản theo quy định của Pháp Luật;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.

50.2 Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 51. Thanh lý

51.1 Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty theo quy định của Pháp Luật (nếu có) hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên

của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

- 51.2 Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 51.3 Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
- a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công Ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ Đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XVIII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

52.1 Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ Đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, các quy định Pháp Luật khác, Điều Lệ Công Ty, các quy định giữa:

- a. Cổ Đông với Công Ty;
- b. Cổ Đông với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc hay Người Quản Lý khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

52.2 Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp

nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (“VIAC”) hoặc Tòa án có thẩm quyền.

- 52.3 Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Trọng tài và/hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của VIAC và/hoặc Tòa án.

Điều 53. Điều Lệ Công Ty

- 53.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.
- 53.2 Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG IX

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

- 54.1 Bản Điều Lệ này gồm 19 chương 54 điều và 03 phụ lục được Đại Hội Đồng Cổ Đông Công Ty nhất trí thông qua ngày 31 tháng 03 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Các phụ lục là một phần không tách rời của Điều lệ này.
- 54.2 Điều Lệ được lập thành hai (02) bản có giá trị như nhau và được lưu giữ tại Công Ty.
- 54.3 Điều Lệ này thay thế cho tất cả các điều lệ đã được thông qua trước đó.
- 54.4 Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



NGUYỄN BÁ SÁNG

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 31./3./2021)

Vào ngày thành lập Công Ty, Các Cổ đông Sáng lập của Công ty gồm:

| Stt | Tên cổ đông | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân, đại chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số lượng | Giá trị | Tỷ lệ | Số CMND đối với cá nhân/MSDN đối với Doanh nghiệp/Số quyết định thành lập đối với tổ chức |
|-------------------|-------------------|--|-------------------|-------------------|------------------------|------------|---|
| 1 | Vũ Bá Hoàng | 160/20 Nguyễn Duy Dương, Phường 3, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh | Cổ phần phổ thông | 3.000.000 | 30.000.000.000 | 30 | 025082453 |
| 2 | Nguyễn Bá Sáng | 178 Lầu 1 Hậu Giang, Phường 6, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh | Cổ phần phổ thông | 6.800.000 | 68.000.000.000 | 68 | 023256947 |
| 3 | Hồ Thị Nguyệt Anh | 14/20 Yên Thế, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh | Cổ phần phổ thông | 200.000 | 2.000.000.000 | 2 | 024001391 |
| Tổng cộng: | | | | 10.000.000 | 100.000.000.000 | 100 | |

PHỤ LỤC 02

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 31./3./2021)

Vào ngày Điều lệ này được thông qua, các ngành nghề kinh doanh của Công Ty gồm:

| STT | Tên ngành | Mã ngành |
|-----|---|-----------------|
| 1 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (chỉ được thực hiện ngành nghề kinh doanh sau khi có địa điểm đầu tư cụ thể và được cấp thẩm quyền đầu tư theo quy định) (CPC: 821) | 6810 (Chính) |
| 2 | Lập trình máy vi tính (CPC: 842) | 6201 |
| 3 | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (CPC: 8421, 841) | 6202 |
| 4 | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (CPC: 849) | 6209 |
| 5 | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (CPC: 843) (Doanh nghiệp không được cung cấp “dịch vụ thông tin trực tuyến và xử lý dữ liệu bao gồm cả xử lý giao dịch (có mã CPC 843**) và dịch vụ truyền dẫn dữ liệu và tin (có mã số CPC 7523**)”) | 6311 |
| 6 | Xây dựng nhà ở Chi tiết: Xây dựng nhà các loại (CPC: 512) | 4101 |

| | | |
|----|---|------|
| 7 | Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Xây dựng nhà các loại (CPC: 512) | 4102 |
| 8 | Xây dựng công trình đường sắt (CPC: 513) | 4211 |
| 9 | Xây dựng công trình đường bộ (CPC: 513) | 4212 |
| 10 | Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (CPC: 513) | 4221 |
| 11 | Xây dựng công trình cấp, thoát nước Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (CPC: 513) | 4222 |
| 12 | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc Chi tiết: Xây dựng công trình công ích (CPC: 513) | 4223 |
| 13 | Xây dựng công trình công ích khác (CPC: 513) | 4229 |
| 14 | Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513) | 4291 |
| 15 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513) | 4293 |

| | | |
|----|--|------|
| 16 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (CPC: 513) | 4299 |
| 17 | Phá dỡ (CPC: 511) | 4311 |
| 18 | Chuẩn bị mặt bằng (CPC: 511) | 4312 |
| 19 | Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) (CPC: 516) | 4321 |
| 20 | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy - hải sản) (CPC: 516) | 4322 |
| 21 | Hoàn thiện công trình xây dựng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội, ngoại thất (CPC: 517) | 4330 |
| 22 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (CPC: 512) | 4390 |
| 23 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Môi giới bất động sản. Dịch vụ quản lý bất động sản. Sàn giao dịch bất động sản (CPC: 822) | 6820 |
| 24 | Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính kế toán) (CPC: 865) | 7020 |

| | | |
|----|--|------|
| | (Doanh nghiệp không được cung cấp dịch vụ trọng tài hòa giải đối với tranh chấp thương mại giữa các thương nhân, dịch vụ pháp lý, dịch vụ thuế, kiểm toán và kế toán; không được cung cấp dịch vụ tư vấn về quản lý danh mục đầu tư ngắn hạn; không được cung cấp dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng hoạt động trong lĩnh vực quảng cáo; không được thực hiện dịch vụ tư vấn việc làm, học nghề, chính sách có liên quan đến quan hệ lao động – việc làm, hoạt động vận động hành lang | |
| 25 | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường (CPC: 86401) | 7320 |

PHỤ LỤC 03

(Đính kèm Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua ngày 31./3./2021)

Vào ngày Điều lệ này được thông qua, Vốn điều lệ của Công Ty là: 827.505.770.000 VND (Tám trăm hai mươi bảy tỷ năm trăm lẻ năm triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng), chia thành 82.750.577 cổ phần, với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 đồng (mười ngàn đồng).

Chi tiết các lần tăng vốn của Công ty được thể hiện ở bảng dưới đây:

| Stt | Thời điểm | Vốn Điều Lệ (VND) | Ghi chú |
|-----|------------|----------------------|---|
| 1 | 18/01/2012 | 100.000.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, số 0311500196, ngày 18/01/2012 |
| 2 | 18/7/2017 | 105.263.160.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5, số 0311500196, ngày 18/7/2017 |
| 3 | 11/9/2018 | 131.579.950.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 6, số 0311500196, ngày 11/9/2018 |
| 4 | 26/10/2018 | 210.000.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 7, số 0311500196, ngày 26/10/2018 |
| 5 | 28/12/2018 | 450.000.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 8, số 0311500196, ngày 28/12/2018 |
| 6 | 21/3/2019 | 468.200.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 9, số 0311500196, ngày 21/3/2019 |
| 7 | 29/3/2019 | 700.000.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 10, số 0311500196, ngày 29/3/2019 |
| 8 | 26/9/2019 | 750.000.000.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 12, số 0311500196, ngày 26/9/2019 |

| | | | |
|----|------------|-----------------|--|
| 9 | 02/10/2020 | 824.925.170.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 13, số 0311500196, ngày 02/10/2020 |
| 10 | 24/02/2021 | 827.505.770.000 | Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 14, số 0311500196, ngày 24/02/2021 |